TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 3 – 2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạn.

Ông Nguyễn Trường Ca.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 414/2025/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Quỳnh T, sinh năm 2002;

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường L, thành phố Hải Phòng.

Căn cước công dân số: 03030200XXXX; cấp ngày: 31/5/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Người được chị T ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng.

Căn cước số: 03009900XXXX; cấp ngày 23/7/2024; nơi cấp: Bộ Công an.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường L, thành phố Hải Phòng.

Chị T vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; anh V vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Quỳnh T trình bày:*

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn V trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 14/08/2020. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng nhau tại tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng. Anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Áp lực với cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chồng không yêu thương, tôn trọng vợ nên cuối năm 2024 thì chị và con chung đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị tại tổ dân phố B, phường L, thành phố Hải Phòng sinh sống và làm việc, anh chị cũng đồng thời sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Từ khi chị và con chung chuyển về nhà ngoại sinh sống thì anh V không tìm gặp chị để hòa giải hay mong muốn vợ chồng về đoàn tụ mà chỉ một vài lần đến cổng nhà ông bà ngoại để đón con về chơi, còn giữa hai vợ chồng chị không liên lạc, không quan tâm đến đời sống chung của nhau nữa. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên động viên, hòa giải và khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành. Đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh V để anh chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 16/10/2020. Hiện con chung đang ở với chị, do cháu Quỳnh A còn rất nhỏ, cần sự yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ nên khi ly hôn chị có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Anh chị tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T ủy quyền cho chị Vũ Thị C thay chị giao nhận tài liệu tại Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

** Ông Nguyễn Văn M và bà Lương Thị T1 (là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn V) trình bày:*

Anh Nguyễn Văn V và chị Dương Quỳnh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 14/08/2020. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống cùng ông bà. Quá trình chung sống, anh chị không có mâu thuẫn hay cãi vã to tiếng với nhau. Đến cuối năm 2024 chị T đưa con về nhà ngoại, có nói với ông bà là về ngoại sống một thời gian. Nhưng từ đó đến nay, chị T không về lại nhà ông bà nữa, chỉ thỉnh thoảng cuối tuần đưa con về nội chơi. Nay chị T xin ly hôn với anh V, quan điểm của ông bà là không muốn anh chị ly hôn, nhưng nếu chị T đã kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 16/10/2020. Hiện tại cháu đang ở cùng chị T, nếu anh chị ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật để giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không nắm được.

Do anh V đi làm vắng nhà nên Tòa án giao các văn bản của Tòa cho ông M để ông giao lại cho anh V. Ông M xác nhận đã thông báo lại cho anh V biết các văn bản mà Tòa án giao, anh đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn giữa anh và chị T. Tuy nhiên, anh không bày tỏ quan điểm gì về việc giải quyết vụ án, anh có nói rằng chị T kiên quyết ly hôn thì tùy chị.

** Bà Nguyễn Thị C1 (là mẹ đẻ của chị Dương Quỳnh T) trình bày*:

Bà là mẹ đẻ của chị Dương Quỳnh T và là mẹ vợ của anh Nguyễn Văn V. Chị T và anh V được tự do tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 14/08/2020. Lễ cưới của hai con được tổ chức theo phong tục của địa phương, có sự chứng kiến của hai bên họ hàng, bà con lối xóm. Sau khi kết hôn hai con về chung sống cùng với nhau tại tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng. Qua tâm sự của con gái thì bà được biết vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Khoảng cuối năm 2024, chị T có trao đổi với vợ chồng bà về việc cảm thấy áp lực trong cuộc sống hôn nhân nên

xin đưa con về sinh sống tạm thời cùng ông bà tại tổ dân phố B, phường L, thành phố Hải Phòng để ổn định tâm lý. Tuy nhiên, kể từ khi chị T và con chung chuyển về sinh sống cùng ông bà, bà không thấy anh V đến gặp chị T để trao đổi, hòa giải hay thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ; anh V chỉ một vài lần đến cổng nhà, gọi con ra để đón về chơi. Anh V cũng không qua lại, không trao đổi với ông bà. Với tư cách là cha mẹ, ông bà luôn mong muốn các con có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, gia đình đầy đủ tình cảm nên đã nhiều lần khuyên giải, động viên chị T suy nghĩ lại, tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn. Tuy nhiên, chị T cho biết không còn tình cảm với chồng, không mong muốn quay lại chung sống nên sau đó bà không tiếp tục đề cập đến vấn đề này nữa. Đến khoảng cuối năm 2025, chị T tiếp tục trao đổi với bà về việc vợ chồng đã mâu thuẫn trong thời gian dài, tình cảm không còn nên mong muốn giải quyết ly hôn với anh V. Đến nay, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên; bà tôn trọng quyết định của chị T vì các con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng và tự chịu trách nhiệm đối với cuộc sống cũng như các quyết định của mình.

Trong quá trình chung sống cùng anh V thì anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 16/10/2020. Hiện nay, cháu Quỳnh A còn nhỏ, đang sinh sống, học tập và ở ổn định cùng với chị T và vợ chồng bà. Khi ly hôn chị T có quan điểm mong muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Trường hợp chị T được giao nuôi con, bà xác định sẽ tạo điều kiện tốt nhất về vật chất, tinh thần, chỗ ở và sinh hoạt để hỗ trợ chị T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu.

** Người được chị T ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng chị Vũ Thị C trình bày:* Chị đồng ý nhận ủy quyền của chị T về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án, sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, chị đã thông báo cho chị T biết, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

* Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T, anh V đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Anh V và chị T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị cùng chung sống tại địa phương. Về mâu thuẫn hôn nhân giữa anh V và chị T, địa phương không nắm rõ cụ thể. Hiện tại chị T đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, mỗi người ở một nơi. Nay chị T có yêu cầu giải quyết cho chị ly hôn với anh V, đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật để giải quyết. Về con

chung, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A sinh ngày 16/10/2020, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của anh chị để giải quyết. Về tài sản, nợ chung: Địa phương không nắm được.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Quỳnh T. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Quỳnh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V. Về con chung giao con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 16/10/2020 cho chị Dương Quỳnh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh V có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Dương Quỳnh T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn V. Bị đơn anh Nguyễn Văn V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V thông qua ông M và bà T1 là bố mẹ đẻ của anh V; đồng thời tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Ông M xác nhận đã thông báo đầy đủ nội dung các văn bản của

Tòa án cho anh V biết; tuy nhiên, anh V không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến trình bày đối với việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa lần thứ hai chị T đề nghị xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Quỳnh T và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 14/8/2020 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các đương sự trong vụ án xác định: Chị T và anh V chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần rạn nứt. Từ cuối năm 2024, chị T đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn M là bố đẻ của anh V xác nhận đã thông báo cho anh V biết việc Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng đang thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị T. Tuy nhiên, anh V không trình bày ý kiến, quan điểm đối với việc giải quyết vụ án. Anh V có ý kiến thông qua ông M rằng nếu chị T kiên quyết ly hôn thì tùy chị. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, anh V vẫn vắng mặt không đến làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình, cho thấy anh V không quan tâm đến đời sống hôn nhân, không có thiện chí trong việc khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm để vợ chồng về đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã trầm trọng, vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Dương Quỳnh T ly hôn anh Nguyễn Văn V là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 16/10/2020. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh V không có ý kiến trình bày về việc nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Quỳnh A đang sinh sống ổn định cùng mẹ là chị T, đã quen với môi trường sống và người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu còn nhỏ, là con gái nên cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Chị T cũng nhận được sự hỗ trợ tích cực từ gia đình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Để đảm bảo sự ổn định về tâm lý, tạo điều kiện cho con chung phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, tránh những xáo trộn không cần thiết trong cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Quỳnh A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét chị T tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung*:* Các đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Dương Quỳnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Quỳnh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Quỳnh T ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 16/10/2020 cho chị Dương Quỳnh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh V được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Dương Quỳnh T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu ký hiệu

BLTU/25E số 0008060 ngày 15 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Dương Quỳnh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường T, TP. Hải Phòng (ĐK Số: 34 ngày 14/8/2020);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân Anh